TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 165/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cái Diệu Trang và bà Hồ Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên tòa*:** Ông Tô Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, về việc: "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh H, sinh năm 1969; căn cước công dân số: 046169002839, cấp ngày 16/3/2022; Nơi cư trú: Thôn A, xã C - L, thành phố H; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn D, sinh năm 1966; Căn cước công dân số: 046066002498, cấp ngày 27/12/2021; Nơi cư trú: Thôn A, xã C - L, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 02 năm 2026, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phan Thị Thanh H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh H và ông Nguyễn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã C - L, thành phố H). Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được khoảng 17 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, khi bà H bị bệnh thì ông D không quan tâm, chăm sóc. Bà H và ông D đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc

lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, bà Phan Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Diệp .

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Phan Mạnh D1, sinh ngày 22/02/1997 và Nguyễn Phan Mỹ D2, sinh ngày 22/02/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông D nhưng quá thời gian luật định ông D vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2026 đã thể hiện nội dung: Bà Phan Thị Thanh H và ông Nguyễn D có đăng ký kết hôn 28/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã C - L, thành phố H). Sau khi kết hôn vợ chồng bà H và ông D cùng sinh sống tại thôn A, xã C - L. Qua xác minh cho biết bà H và ông D có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Về con chung: bà H và ông D có 02 người con chung đã trưởng thành và lập gia đình riêng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ nhất do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 13/5/2026, đồng thời tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng ông D vẫn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh H, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh H và ông Nguyễn D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên H (nay là xã C - L, thành phố H) vào ngày 28/12/1999. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân vợ chồng giữa bà H và ông D, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình sống chung, giữa hai người đã xảy ra nhiều mẫu thuẫn, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Phan Mạnh D1, sinh ngày 22/02/1997 và Nguyễn Phan Mỹ D2, sinh ngày 22/02/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh H. Bà Phan Thị Thanh H được ly hôn ông Nguyễn D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000358 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Bà H đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Đương sự;
- UBND xã Chân Mây - Lăng Cô;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Phương Thảo